

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh Hà Giang; Báo Hà Giang;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Công thông tin - Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang
(Kèm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể khoản 2 Điều 104, khoản 4, 5 Điều 109, khoản 7, 10 Điều 111 Luật Đất đai; quy định cụ thể khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 6 Điều 20, Điều 21, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; quy định cụ thể Điều 18, Điều 23 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 13 Điều 1, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi

1. Điều kiện được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai như sau:

a) Trên địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện dự án có quỹ đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, quỹ nhà ở thì được bồi thường bằng đất hoặc nhà ở theo quy định; trường hợp địa phương không có quỹ đất, quỹ nhà ở thì bồi thường bằng tiền theo quy định;

b) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi đất để thực hiện công trình, dự án vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai; diện tích đất bị thu hồi từ 1.000 m² trở lên đối với đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản; diện tích từ 2.000 m² trở lên đối với đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; diện tích từ 200 m² trở lên đối với đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;

c) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài phải có đơn đăng ký nhu cầu bồi thường bằng đất hoặc bằng nhà ở gửi đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại thời điểm ban hành thông báo thu hồi đất;

2. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp, đất ở, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở theo quy định khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất quy định như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại các phường, thị trấn khi Nhà nước thu hồi đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm bồi thường bằng giao đất ở hoặc cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại vị trí mới theo quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích từ 1.000 m² đến dưới 2.000 m² quy đổi bằng 100 m² đất ở hoặc đất sản xuất,

kinh doanh phi nông nghiệp, từ 2.000 m² đến dưới 5.000 m² quy đổi bằng 200 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² quy đổi bằng 300 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 10.000 m² trở lên không quá 400 m² đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại các xã khi Nhà nước thu hồi đất trồng cây hằng năm, đất trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm bồi thường bằng giao đất ở hoặc cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại vị trí mới theo quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích từ 1.500 m² đến dưới 2.500 m² quy đổi bằng 100 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 2.500 m² đến dưới 5.500 m² quy đổi bằng 200 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 5.500 m² đến dưới 10.000 m² quy đổi bằng 300 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 10.000 m² trở lên không quá 400 m² đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại các xã, phường, thị trấn khi Nhà nước thu hồi đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất bồi thường bằng giao đất ở hoặc cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại vị trí mới theo quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích từ 2.000 m² đến dưới 5.000 m² quy đổi bằng 100 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 5.000 m² đến dưới 10.000 m² quy đổi bằng 200 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 10.000 m² đến dưới 15.000 m² quy đổi bằng 300 m² đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, từ 15.000 m² trở lên không quá 400 m² đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;

d) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở bồi thường bằng đất ở cứ mỗi mét vuông (m²) đất phi nông nghiệp được quy đổi bằng 0,5 m² đất ở tại vị trí mới theo quy hoạch đã được phê duyệt;

đ) Trường hợp diện tích đất quy đổi lớn hơn diện tích thửa đất, lô đất theo quy hoạch thì phần diện tích vượt được tính bồi thường bằng tiền.

3. Tổ chức kinh tế, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sử dụng đất ở theo quy định khoản 1 Điều 98 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, cứ mỗi mét vuông (m²) đất ở được quy đổi bằng 1,5 m² đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại vị trí mới theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất ở hoặc đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp mà có chênh lệch về giá trị giữa tiền bồi thường, hỗ trợ về đất với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, quỹ đất, quỹ nhà ở của địa phương và đối tượng đủ điều kiện tại khoản 1, khoản 2 Điều này để xây dựng, phê duyệt phương án cho từng công trình, dự án cụ thể.

Điều 4. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất bị tháo dỡ hoặc phá dỡ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được xác định bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

2. Đối với nhà ở, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, xác định tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp để bồi thường. Mức bồi thường được xác định cụ thể theo thực tế hiện trạng nhà ở, công trình xây dựng nhưng không vượt quá giá trị xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng đó.

Điều 5. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán chi phí cho từng trường hợp cụ thể và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Trong quá trình thực hiện, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thuê tổ chức tư vấn lập dự toán chi phí cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 6. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ

Mức bồi thường bằng 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo giá xây dựng công trình tại thời điểm thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; trừ trường hợp xây dựng coi nói trái phép, xây dựng trên khuôn viên đất lưu không của ngôi nhà đó.

Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

1. Người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai các chi phí thực tế đã đầu tư vào đất.

2. Trên cơ sở nội dung kê khai, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi và các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh các khoản chi phí quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai và xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại tại thời điểm thu hồi đất theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Luật Đất đai và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 8. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn

1. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn thì được bồi thường một (01) lần, mức bồi thường không quá 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào phạm vi, mức độ hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn do cơ quan chuyên ngành xác định để quyết định mức bồi thường cho phù hợp đối với từng dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 9. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình và cây trồng gắn liền đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220kV

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220 kV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 9 Điều 1 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP) thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ

sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 80% theo đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Mức hỗ trợ bằng 30% theo đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 10. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi nhà nước thu hồi đất

1. Đối với mồ mã trong phạm vi đất thu hồi phải di dời thì được bồi thường các chi phí bao gồm: Chi phí đào, bốc, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp để di dời mồ mã đến vị trí mới trong nghĩa trang theo quy hoạch của địa phương, mức bồi thường như sau:

- a) Đối với mộ đất đã cải táng 16.000.000 đồng/mộ;
- b) Đối với mộ đất chưa cải táng 21.000.000 đồng/mộ;
- c) Đối với mộ xây kiên cố đã cải táng 17.000.000 đồng/mộ;
- d) Đối với mộ xây kiên cố chưa cải táng 22.000.000 đồng/mộ.

2. Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mã ngoài khu vực được bố trí thì được hỗ trợ bằng tiền như sau:

- a) Di chuyển đến các tỉnh, thành phố khác 5.000.000 đồng/mộ;
- b) Di chuyển đến các huyện khác trong tỉnh 4.000.000 đồng/mộ;
- c) Di chuyển đến các xã, phường, thị trấn khác trong cùng địa bàn cấp huyện 3.000.000 đồng/mộ;
- d) Di chuyển trong cùng địa bàn xã, phường, thị trấn 2.000.000 đồng/mộ.

3. Trường hợp mồ mã phải di dời mà không áp dụng được mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định theo chi phí thực tế và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Mục 2**HỖ TRỢ, BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

Điều 11. Hỗ trợ ổn định đời sống đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp đủ điều kiện được bồi thường về đất bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 6 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở trong cùng xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện; trường hợp phải di chuyển đến các xã, phường, thị trấn khác trong tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa là 12 tháng;

b) Tiền hỗ trợ tại điểm a khoản này được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Diện tích đất thu hồi quy định tại khoản 1 Điều này là diện tích trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và được xác định theo từng dự án phải thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp thu hồi của các dự án thu hồi đất trước đó.

Điều 12. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp diện tích từ 1.000 m² trở lên thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, như sau:

a) Mức hỗ trợ bằng tiền là 11.000.000 đồng/hộ;

b) Thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của từng dự án để định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp, bảo đảm ổn định đời sống, an sinh cho người được hỗ trợ.

2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động trong thời gian trợ cấp không quá 06 tháng và được chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

4. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng quy định điểm b khoản 1 Điều 20 của Nghị định 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, như sau:

a) Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất nhân với diện tích thực tế thu hồi;

b) Đối với đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ: Mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất nhân với diện tích thực tế thu hồi;

c) Thời gian hỗ trợ, định kỳ chi trả tiền hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế của từng dự án để định kỳ chi trả tiền hỗ trợ cho phù hợp, bảo đảm ổn định đời sống, an sinh cho người được hỗ trợ.

Điều 13. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn

1. Mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất cho chủ sở hữu vật nuôi quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc quy mô từ 10 đến dưới 50 con, gia cầm quy mô từ 100 đến dưới 500 con phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất, mức hỗ trợ bằng tiền là 500.000 đồng;

b) Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc quy mô từ 50 con trở lên, gia cầm quy mô từ 500 con trở lên phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất, mức hỗ trợ bằng tiền là 1.000.000 đồng;

c) Hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi động vật khác quy mô từ 10 con trở lên phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất, mức hỗ trợ bằng tiền là 500.000 đồng;

d) Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di dời vật nuôi thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm xác minh thực tế, lập phương án hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trong cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời cho chủ sở hữu công trình quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP như sau:

a) Chủ sở hữu công trình tự kê khai công trình, tài sản gắn liền trên đất;

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác minh thực tế và lập chi phí tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc nông nghiệp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trong cùng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền tính theo giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân; hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang, mức hỗ trợ như sau:

a) Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất cùng loại trong Bảng giá đất.

b) Đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất cùng loại trong Bảng giá đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất bị thu hồi như sau:

a) Hỗ trợ đào tạo nghề: Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

b) Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học. Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của pháp luật;

c) Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Người có đất nông nghiệp thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

d) Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Mức vay vốn tối đa theo quy định của Chính phủ.

Điều 15. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở, mức hỗ trợ bằng tiền 80.000.000 đồng/hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư mà không được bố trí vào nhà ở tạm thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở thời gian 06 tháng, được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ như sau:

- a) Các phường thuộc thành phố Hà Giang: 3.000.000 đồng/hộ/tháng;
- b) Trung tâm các huyện lỵ và thị trấn: 2.000.000 đồng/hộ/tháng;
- c) Các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng/hộ/tháng.

3. Khi Nhà nước thu hồi đất ở để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mà người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước hạn theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì được thường bàn giao mặt bằng trước thời hạn một (01) lần tại thời điểm bàn giao đất số tiền tối đa không quá 5.000.000 đồng/hộ.

Điều 16. Quy định suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở, bằng nhà ở và bằng tiền

1. Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở quy định như sau:

- a) Tại các phường, thị trấn diện tích tối thiểu là 100 m²;
- b) Tại các xã diện tích tối thiểu là 200 m².

Trường hợp có điều kiện về quỹ đất thì có thể giao mức cao hơn nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở cho cá nhân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở: Diện tích xây dựng nhà tối thiểu là 36m² cho một hộ gia đình có 04 nhân khẩu, nếu hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên thì cứ mỗi nhân khẩu được cộng thêm 9 (chín) m² xây dựng nhà cho mỗi nhân khẩu.

3. Suất tái định cư tối thiểu tính bằng tiền được xác định bằng giá đất theo bảng giá đất do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại vị trí giao đất tái định cư nhân (x) với diện tích đất tại khoản 1 Điều này, tại thời điểm tính tiền bồi thường.

Điều 17. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ thuê nhà cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi được hỗ trợ tiền thuê nhà ở, thời gian 06 tháng, được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ như sau:

- a) Các phường thuộc thành phố Hà Giang: 3.000.000 đồng/hộ/tháng;
- b) Trung tâm các huyện lỵ và thị trấn: 2.000.000 đồng/hộ/tháng;
- c) Các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng/hộ/tháng.

2. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sử dụng đất bàn giao mặt bằng trước hạn 05 ngày theo thời gian bàn giao mặt bằng quy định trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ bàn giao mặt bằng trước thời hạn một (01) lần tại thời điểm bàn giao đất như sau:

- a) Đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp mức hỗ trợ là 5.000 đồng/m² nhân với diện tích thực tế thu hồi;
- b) Đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản,

đất rừng sản xuất, mức hỗ trợ là 2.000 đồng/m² nhân với diện tích thực tế thu hồi.

3. Hộ gia đình, cá nhân phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ một (01) lần tại thời điểm tháo dỡ, di chuyển như sau:

- a) Nhà tạm, nhà 1 tầng lợp mái, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/hộ;
- b) Nhà xây mái bằng, kiên cố, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/hộ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về đất đai; hướng dẫn xử lý và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, hướng dẫn việc lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

Hướng dẫn giải quyết những vướng mắc có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ về tài sản nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất, mồ mã; Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn giải quyết những vướng mắc về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc có liên quan đến bồi thường cây trồng, vật nuôi, di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất theo chuyên ngành; bồi thường rừng trồng tập trung và rừng tự nhiên. Phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn giải quyết những vướng mắc về chi phí đầu tư vào đất còn lại.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan giải quyết vướng mắc, phát sinh trong quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành; hướng dẫn Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo các quy định.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm trên địa bàn; các nội dung có liên quan đến cơ chế, chính sách giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo quy định của pháp luật.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án xây dựng các khu tái định cư trên địa bàn tỉnh; chủ trì phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thu hồi đất sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện.

7. Cục Thuế tỉnh

Chỉ đạo Chi cục thuế các huyện, thành phố kiểm tra và có ý kiến xác nhận về mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh làm căn cứ hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định này; chủ trì hướng dẫn xử lý các vướng mắc liên quan đến nghĩa vụ tài chính phải thực hiện của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

8. Các sở, ban, ngành khác

Có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn cấp huyện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 86 Luật Đất đai;

c) Ban hành thông báo thu hồi đất, kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư phục vụ công tác thu hồi đất trên địa bàn; Tổ chức lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi theo quy định của pháp luật;

đ) Giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn; giải quyết khiếu nại của người bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

e) Tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công trình, dự án trên khai trên địa bàn; các quy định của Nhà nước về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

b) Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai thực hiện kế hoạch hu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định.

c) Xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà, công trình, tình trạng đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn của hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, các trường hợp bị ảnh hưởng đời sống, sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp và các vấn đề khác liên quan cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức việc thực hiện cưỡng chế theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

11. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức triển khai thực hiện các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của số liệu thống kê đất đai, tài sản, cây trồng, vật nuôi trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư dự án hoặc cơ quan quản lý quỹ đất đã giải phóng mặt bằng khi chưa có dự án; Báo cáo, đề xuất kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Lập dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc phân bổ và sử dụng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

đ) Báo cáo giải trình, cung cấp hồ sơ tài liệu có liên quan và phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết đơn, thư kiến nghị, đề nghị, khiếu nại, tố cáo trong công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư.

12. Chủ đầu tư công trình, dự án

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án theo quy định và bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho chính quyền địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Phối hợp với Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xây dựng, triển khai kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, lập kế hoạch giải phóng mặt bằng, tổ chức thực hiện tốt các nội dung liên quan đến công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

c) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Phối hợp cùng với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi thu hồi đất trả lời các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư.

13. Hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi

a) Phối hợp với các cơ quan nhà nước, Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Chủ dự án trong công tác điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Bàn giao đất cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng thời gian quy định;

c) Khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư có trách nhiệm nộp (*bản gốc*) các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (*nếu có*) cho Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những công trình, dự án đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đang thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này; việc xử lý chi trả bồi thường chậm được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

2. Đối với công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì tiếp tục thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.